**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

# LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH TRẬT TỰ

# THUỘC THẨM QUYỀN CÔNG AN CẤP HUYỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ)*

**4. Cấp đổi chứng minh nhân dân (12 số) sang thẻ căn cước công dân và cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | **Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** | | | |
|  | Công dân đã được cấp thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân (12 số) nay chuyển đến đăng ký thường trú tại huyện Châu Thành. (không thuộc trường hợp chưa được cấp căn cước công dân theo quy định) | | | |
| 2. | **Thành phần hồ sơ gồm:** | **Bản chính** | | **Bản sao** |
|  | a) Sổ hộ khẩu. | x | |  |
| b) Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại CMND, căn cước công dân theo mẫu, có dán ảnh và có đóng dấu giáp lai của Công an xã, thị trấn. | x | |  |
| c) 02 ảnh màu (4cm x 6cm), phông ảnh màu trắng, chụp trực tiếp tại nới cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân. | x | |  |
| d) Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc diện không thu phí cấp lại thẻ Căn cước công dân (kèm theo bản chính để đối chiếu). |  | | x |
| 3. | **Số lượng hồ sơ** | | | |
|  | 01 bộ | | | |
| 4. | **Thời hạn giải quyết** | | | |
|  | 30 ngày (kể từ khi nhận đủ, đúng hồ sơ hợp lệ). | | | |
| 5. | **Nơi tiếp nhận và trả kết quả** | | | |
|  | a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa Công an huyện Châu Thành.  b) Trả kết quả theo yêu cầu: công dân trực tiếp liên hệ bộ phận Bưu điện để được chuyển phát chứng minh nhân dân, căn cước công dân theo yêu cầu (có thu phí). | | | |
| 6. | **Phí, lệ phí** | | | |
|  | 1. Lệ phí:   - Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên khi làm thủ tục đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân phải nộp lệ phí thẻ căn cước công dân theo quy định: **30.000 đồng/thẻ.**  - Công dân đổi thẻ Căn cước công dân khi đủ 25 tuổi, 40 tuổi, 60 tuổi; chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân: **30.000 đồng/thẻ**.  - Đổi thẻ Căn cước công dân khi bị hư hỏng không sử dụng được; thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhân dạng; xác định lại giới tính, quê quán; có sai sót về thông tin trên thẻ; khi công dân có yêu cầu: **50.000 đồng/thẻ.**  - Cấp lại thẻ Căn cước công dân khi bị mất thẻ Căn cước công dân, được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam: **70.000 đồng/thẻ.**  b) Các trường hợp miễn lệ phí:  - Đổi thẻ căn cước công dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính;  - Đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;  - Đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.  c) Các trường hợp không phải nộp lệ phí:  - Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 32 Luật căn cước công dân;  - Đổi thẻ căn cước công dân theo quy định tại Điều 21 và điểm a khoản 3 Điều 32 Luật căn cước công dân;  - Đổi thẻ căn cước công dân khi có sai sót về thông tin trên thẻ căn cước công dân do lỗi của cơ quan quản lý căn cước công dân.  d) Phí chuyển phát: theo quy định của cơ quan Bưu điện.(nếu có yêu cầu) | | | |
| 7. | **Quy trình xử lý công việc** | | | |
|  | - Công dân chuẩn bị hồ sơ, thủ tục theo quy định tại khoản 2 điều này, đến nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận một cửa Công an huyện. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ thủ tục, nếu:  + Hồ sơ thiếu hoặc chưa hợp lệ thì cán bộ hướng dẫn công dân chuẩn bị các thành phần hồ sơ tại khoản 2 điều này.  + Hồ sơ hợp lệ, đúng, đủ các thủ tục, cán bộ hướng dẫn tiếp nhận hồ sơ, yêu cầu công dân khai tờ khai cấp CCCD; Chụp ảnh (nếu có); in vân tay vào danh chỉ bản. Giao giấy biên nhận cho công dân và thu lệ phí theo quy định.  - Công an huyện hoàn thành và chuyển hồ sơ (kèm danh sách) về Phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội kiểm tra, thẩm định và đề nghị Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội xem xét giải quyết theo đúng quy trình quy định. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hoàn chỉnh trả căn cước công dân gửi Công an địa phương trao trả cho công dân đúng quy định. | | | |
| 8. | **Cơ sở pháp lý** | | | |
|  | a) Luật Căn cước công dân.  b) Nghị định số 137/2015/NĐ-CP, ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật căn cước công dân.  c) Thông tư số 11/2016/TT-BCA, ngày 04/3/2016 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân.  d) Thông tư số 66/2015/TT-BCA, ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.  e) Thông tư số 05/2014/TT-BCA, ngày 22/01/2014 của Bộ Công an quy định về quy định biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý chứng minh nhân dân.  f) Thông tư số 170/2015/TT-BCA, ngày 09/11/2015 của Bộ Công an quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ căn cước công dân.  g) Thông tư số 256/2016/TT-BCA, ngày 11/11/2016 của Bộ Công an sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 170/2015/TT-BCA, ngày 09/11/2015 của Bộ Công an quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ căn cước công dân.  h) Thông tư số 331/2016/TT-BCA, ngày 26/12/2016 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 256/2016/TT-BCA, ngày 11/11/2016 của Bộ Công an quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ căn cước công dân. | | | |
| 9. | **Biểu mẫu** | | **Ký hiệu** | |
|  | Đơn đề nghị cấp CMND | | CM3 | |
|  | Tờ khai căn cước công dân | | CC01 | |